

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-ST
Ngày 22/9/2021
“*V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Quốc Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Nguyễn Hoàng Hồ**.

2- Ông **Võ Minh Sơn**.

- *Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang.* Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:* thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 153/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1978 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện U, tỉnh KG.

2- *Bị đơn:* Anh **Trần Minh V**, sinh năm 1974 và chị **Tô Kim L**, sinh năm 1978. (*Anh V có mặt, chị L vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Ấp VL, xã H, huyện U, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2020 và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Minh T trình bày và yêu cầu như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 06/3/2016 đến ngày 16/4 /2020, vợ chồng anh Trần Minh V và chị Tô Kim L có nhiều lần đến mua vật tư nông nghiệp tại đại lý của

anh T để sử dụng cho việc nuôi tôm và đến nay còn nợ số tiền tổng cộng là 1.101.316.000đ (*Một tỷ một trăm lẻ một triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng*).

Hiện nay, vợ chồng anh Trần Minh V và chị Tô Kim L không còn mua vật tư nông nghiệp tại đại lý của anh T nữa nhưng đối với số nợ trên vợ chồng anh V, chị L cũng chưa thanh toán cho anh T, mặc dù anh T đã liên hệ đòi nhiều lần.

Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Trần Minh V, chị Tô Kim L trả cho anh T số tiền nợ gốc 1.101.316.000 đồng (*Một tỷ một trăm lẻ một triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng*), không yêu cầu lãi suất. Anh T yêu cầu anh V, chị L trả đủ một lần.

Bị đơn anh Trần Minh V trình bày ý kiến tại các phiên hòa giải ngày 31/12/2020 và ngày 14/5/2021 như sau:

Anh Trần Minh V thừa nhận trong thời gian từ năm 2016 đến tháng 4 năm 2020 vợ chồng anh có nhiều lần đến đại lý vật tư nông nghiệp do anh Nguyễn Minh T làm chủ để mua vật tư nông nghiệp phục vụ cho việc nuôi tôm và đến nay còn nợ anh T số tiền là 1.101.316.000đ (*Một tỷ một trăm lẻ một triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng*) vẫn chưa thanh toán.

Do hiện tại hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, mùa màng thất thoát không có khả năng trả một lần số nợ trên theo yêu cầu của anh T. Số nợ này anh V cũng đã có trao đổi với vợ là chị L thì vợ anh cũng thống nhất đề nghị anh T cho thanh toán nhiều lần. Cụ thể như sau: Trong 03 năm đầu, mỗi một năm trả 30.000.000đ (Ba chục triệu đồng) những năm tiếp theo mỗi năm trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ 1.101.316.000đ.

Đối với bị đơn chị Tô Kim L: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Minh T và anh Trần Minh V thống nhất xác định số tiền các bên còn nợ mà anh V, chị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh T là 1.101.316.000đ. (*Một tỷ một trăm lẻ một triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng*)

Tuy nhiên về thời gian thanh toán thì các bên không thống nhất được với nhau. Anh T yêu cầu anh V, chị L thanh toán số tiền nợ trên trong thời gian là 02 năm còn anh V đề nghị được trả số tiền trên chia làm nhiều lần, trong 02 năm đầu, mỗi năm sẽ trả cho anh T số tiền là 50.000.000đ từ năm thứ 3 trở đi sẽ trả cho anh T mỗi năm là 100.000.000đ cho đến khi nào thanh toán nợ xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của anh T đối với vợ chồng anh V, chị L thì đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản, các giao dịch này thực hiện từ năm 2016 cho đến tháng 04 năm 2020 thì xảy ra tranh chấp nên được điều chỉnh theo quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn chị Tô Kim L được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị Tô Kim L.

[4] Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Minh T và anh Trần Minh V thống nhất xác định là trong thời gian từ năm 2016 đến tháng 4 năm 2020, vợ chồng anh V, chị L có nhiều lần mua vật tư nông nghiệp tại đại lý vật tư do anh T làm chủ đến nay còn nợ anh T số tiền là 1.101.316.000đ chưa trả. Trong quá trình quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các bên không thỏa thuận được với nhau về thời gian thanh toán số tiền trên nên không thể công nhận sự thỏa thuận giữa các bên.

Do đó, xét yêu cầu của nguyên đơn về việc giải quyết buộc vợ chồng anh V, chị L trả số tiền còn nợ 1.101.316.000đ từ việc mua bán vật tư nông nghiệp là có cơ sở xem xét và phù hợp theo quy định tại Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005. Qua trao đổi thảo luận HĐXX thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về thời gian thanh toán: Do các đương sự không tự thỏa thuận được về thời gian thanh toán số tiền nên HĐXX không thể công nhận sự thỏa thuận của các bên, đồng thời cũng không thể buộc anh V, chị L trả cho anh T số tiền theo thời gian mà anh T yêu cầu, cũng như là không chấp nhận theo ý kiến của anh V là thanh toán số tiền cho anh T theo hàng năm mà anh V đưa ra.

Bởi theo quy định của pháp luật hiện hành thì nếu như các bên đã thống nhất xác định được số lượng nợ với nhau mà không thỏa thuận được thời gian thanh toán thì Tòa án chỉ giải quyết buộc người nào phải trả cho người khác tiền hay hiện vật khác số lượng là bao nhiêu chứ không thể buộc trả vào thời điểm nào.

Vì vậy, HĐXX ghi nhận ý kiến của các bên để buộc vợ chồng anh V, chị L phải trả cho anh T số tiền 1.101.316.000đ, khi nào bản án có hiệu lực pháp luật thì

các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Về lãi suất chậm trả: Do anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng anh V, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Số tiền án phí vợ chồng anh V, chị L phải chịu là 1.101.316.000đ = $[36.000.000đ + (301.316.000đ \times 3\% = 9.039.480đ)] = 45.039.480đ$, làm tròn là 45.039.000đ (Bốn mươi lăm triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Anh Nguyễn Minh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.519.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm mười chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004255 ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 428, 438 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 26, 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T đối với vợ chồng anh Trần Minh V, chị Tô Kim L về việc mua bán tài sản.

2. Buộc vợ chồng anh Trần Minh V, chị Tô Kim L trả cho anh Nguyễn Minh T số tiền còn nợ từ việc mua vật tư nông nghiệp là 1.101.316.000 đồng (Một tỷ một trăm lẻ một triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nguyễn Minh T mà anh vợ chồng anh V, chị L không trả hoặc trả không đủ số tiền cho anh T thì vợ chồng anh V, chị L còn phải trả thêm lãi cho anh T theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền nợ còn lại.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng anh Trần Minh V, chị Tô Kim L phải chịu tiền án phí 45.039.000đ (Bốn mươi lăm triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Anh Nguyễn Minh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.519.000đ (Hai mươi hai triệu năm trăm mười chín nghìn đồng) theo biên lai thu

số 0004255 ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn anh Nguyễn Minh T, anh Trần Minh V, vắng mặt bị đơn chị Tô Kim L. Báo cho anh T và anh V biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/9/2021). Chị Tô Kim L có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tổng đạt hợp lệ Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh